

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 19/11/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P9+PVD8	7:25	7+13	0+0		6+16	0+0	
2		TD3+P10	7:25	19+3	0+0		17+5	0+0	
3		P11+PVD8	7:25	7+15	0+0		7+15	0+0	
4		BK10+P10	7:25	16+6	0+0		14+8	0+0	
5		TD5+TTC2+BK19	7:25	19+0+0	0+0+0		17+1+2	0+0+0	chuyen 2 td5-ttc2
6		MRRM+P3	9:25	16+2	0+0		6+16	0+0	
7		P2+RC4+RC5	9:25	22+0+0	0+0+0		21+0+0	0+0+0	chuyen 1 rc4-rc5
8		BK3+TD2	9:25	11+6	0+0		11+11	0+0	
9		P10	9:25	21	0		22	0	
10		P9+BK3	9:25	22+0	0+0		17+5	0+0	
11		MRRM+P2+BK5	11:25	6+14+0	0+0+0		1+10+9	0+0+0	
12		PVD8+KTRN	11:25	20+2	0+0		15+7	0+0	
13		BK4+BK10	11:25	16+2	0+0		14+8	0+0	
14		P11+P9	11:25	17+5	0+0		16+6	0+0	chuyen 1 p11-p9

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1/ Đi về trong ngày P9-4ng, BK10-6ng. PVD8-1ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: P9 - PVD8	CREW: NAM - DUONG - TU	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM25/4580	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ZAKLADNYI R.N.	P9	56	1	2			100	D-HANH	Russian
2	PHAN QUỐC TUẤN	P9						78	D-HANH	Vietnamese
3	NGO ĐỨC MINH	P9	57	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG MẠNH THĂNG	P9	52	1	9			70	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI NGỌC THÂN	P9						72	KH-THAC	Vietnamese
6	MIRSAYAPOV R.R.	P9	51	1	3			106	KH-THAC	Russian
7	VŨ VĂN SY	P9						74	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ ANH SƠN	PVD8	78	1	12	2	9	70	DMC-MI	Vietnamese
9	NGUYEN VAN TIEN	PVD8	87	1	5	2	25	65	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐÌNH HUYNH	PVD8	82	1	7			91	KHOAN	Vietnamese
11	KRAMARENKO V.V	PVD8						69	KH-THAC	Russian
12	BAGRAMOV A	PVD8	77	1	15			103	KH-THAC	Russian
13	PHẠM THANH TUNG	PVD8	88	1	5	2	42	70	KH-THAC	Vietnamese
14	DUƠNG VĂN MẠNH	PVD8	86	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
15	DUƠNG NHẬT THANH	PVD8	89	1	8			74	KH-THAC	Vietnamese
16	TATARINOV S.M	PVD8	81	1	10			83	ANTOAN	Russian
17	NGUYỄN DANH PHONG	PVD8	83-84	2	9			78	PVD DD	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN THĂNG	PVD8	85	1	5			76	PVD DD	Vietnamese
19	LÊ TẤN LỘC	PVD8	79-80	2	14			80	COMMAND	Vietnamese
20	NGUYEN THANH NHAN	PVD8	90	1	3			59	PVDO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P9	7	573	4	20	0	0	6		
2	PVD8	13	983	14	98	6	76	16		
TOTAL		20	1.556	18	118	6	76	22		
WEIGHT KG			1.556		118		76			

GRAND TOAL: 1.750 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

TRẦN HỒNG NAM
BÙI HOÀNG DƯƠNG





FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO: TD3 - P10	CREW: KHOAN - M.ĐỨC - QTRƯỜNG	ETA: 09:50
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM25/4586	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRẦN VĂN HƯƠNG	TD3	71	1	5	1	15	75	KHOAN	Vietnamese
2	ĐẶNG XUÂN LƯU	TD3						68	KHOAN	Vietnamese
3	ĐÀO LÊ XUÂN SƠN	TD3	77	1	5			70	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN TRỌNG BĂNG	TD3	74	1	7			71	KHOAN	Vietnamese
5	VŨ TRỌNG NGHĨA	TD3						76	KHOAN	Vietnamese
6	ĐẶNG ĐÌNH ĐỊNH	TD3	78	1	10			58	ANTOAN	Vietnamese
7	ILIASHENKO D.A.	TD3	82	1	10			73	YTE	Russian
8	NGUYỄN VĂN SƠN	TD3	70	1	12			70	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ VĂN TUẤN	TD3	81	1	4			76	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN SANG	TD3	69	1	4			87	KHOAN	Vietnamese
11	HOÀNG THANH TỬ	TD3						85	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ DUY PHƯƠNG	TD3	67-68	2	8			58	KHOAN	Vietnamese
13	ĐỖ HOÀI NAM	TD3	75	1	8			64	NHA THAU	Vietnamese
14	LÀ VĂN NAM	TD3	72-73	2	16			81	DVL	Vietnamese
15	ĐỖ VĂN THAI	TD3	79-80	2	20			70	DVL	Vietnamese
16	NGUYỄN VŨ ĐÌNH DUY	TD3	63-64	2	20			73	DVL	Vietnamese
17	PHAN THANH TỊNH	TD3	65-66	2	20			66	DVL	Vietnamese
18	VŨ VĂN TRUNG	TD3	83-84	2	20			75	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN TRƯỜNG SINH	TD3	76	1	10			72	KH-THAC	Vietnamese
20	K LỘC	P10	23	1	11	3	50	68	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ BẢO AN	P10	21	1	9			73	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN HỮU HẬU	P10	22	1	3			85	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	19	1.368	22	179	1	15	17		
2	P10	3	226	3	23	3	50	5		
TOTAL		22	1.594	25	202	4	65	22		
WEIGHT KG			1.594		202		65			

GRAND TOAL: 1.861 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN QUANG THỊNH

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
NGUYỄN MINH ĐỨC



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:55
B.CARD: NAU - 1	TO: P11 - PVD8	CREW: VIỆT - TTRUNG - ĐÙNG	ETA: 09:45
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM25/4592	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VASIAN KIN A.A	P11	21-22	2	15			120	KH-THAC	Russian
2	BUI ANH SON	P11	28	1	2			72	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG VĂN TRỌNG	P11	27	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ VIỆT DŨNG	P11	29	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGÔ DUY KIỆM	P11	26	1	8			73	YTE	Vietnamese
6	TRƯƠNG MẠNH PHI	P11	23-24	2	14			80	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG VĂN ĐỨC	P11	25	1	4			56	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN BÌNH DAN	PVD8	13	1	9	2	27	65	PVDO	Vietnamese
9	VĂN HUY THANH	PVD8	15	1	10			68	PVDO	Vietnamese
10	LÊ BA LONG	PVD8	22	1	4			60	PVDO	Vietnamese
11	BUI NGỌC TU	PVD8	21	1	11			61	PVDO	Vietnamese
12	BUI XUAN KHOA	PVD8	19	1	8			56	PVDO	Vietnamese
13	VŨ VIỆT ĐỨC	PVD8	23-24	2	13			93	PVDO	Vietnamese
14	ĐỖ VĂN ĐẠT	PVD8	14	1	9			57	PVDO	Vietnamese
15	CU THANH NHAN	PVD8	11	1	4			65	PVDO	Vietnamese
16	BUI SỸ TRƯỜNG	PVD8	12	1	7			60	PVDO	Vietnamese
17	NGUYỄN DUC PHU	PVD8	20	1	9			84	HT ENERGY	Vietnamese
18	NGUYỄN KHÁC SANG	PVD8	18	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN Y	PVD8	09	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN BẠC	PVD8	17	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐÀU HUY HOANG	PVD8	16	1	8			66	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN NHAN	PVD8	10	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P11	7	537	9	52	0	0	7		
2	PVD8	15	1.022	16	112	2	27	15		
TOTAL		22	1.559	25	164	2	27	22		
WEIGHT KG			1.559		164		27			

GRAND TOAL: 1.750 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ KIỀU THU

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT
 NGUYỄN THÀNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:50
B.CARD: TRANG-1A	TO: BK10 - P10	CREW: ĐỨC - KHÁI - TDUNG	ETA: 09:40
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM25/4589	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	HA ANH CHIEN	BK10	54	1	2			68	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYEN CONG TAN	BK10	56	1	5	2	30	85	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN QUANG THANG	BK10						77	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM HAI KIEN	BK10	15	1	2			75	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN THI HANG	BK10	56	1	3			58	NIPI	Vietnamese
6	TRAN DAI THIEU	BK10	55	1	3			91	NIPI	Vietnamese
7	NGUYEN QUANG TU	BK10						70	DUY LINH	Vietnamese
8	TRAN HUU DANH	BK10	61-62	2	11			91	KH-THAC	Vietnamese
9	NGO TUAN HUNG	BK10	18	1	4			54	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN TRONG VU	BK10	16	1	6			84	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM HOANG GIANG	BK10	53-55	3	11			78	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐANG TRỌNG OAI	BK10	58-60	3	13			60	KH-THAC	Vietnamese
13	TRUONG THE VINH	BK10	58-59	2	11			69	KH-THAC	Vietnamese
14	VÔ ANH TUÂN	BK10	57	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
15	VU XUAN TAM	BK10	17	1	14			66	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG NGOC LAN	BK10	57	1	13			79	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN ANH KHOA	P10	02	1	7			73	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐOAN VAN THIEM	P10	04	1	3			59	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN XUAN TRUONG	P10	01	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ NGỌC NGUYỄN	P10						80	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐỖ NGUYỄN HỒNG THANH	P10	03	1	11			81	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN PHAN PHI	P10	05-08	4	19			62	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK10	16	1.171	20	103	2	30	14		
2	P10	6	421	8	45	0	0	8		
TOTAL		22	1.592	28	148	2	30	22		
WEIGHT KG			1.592		148		30			

GRAND TOAL: 1.770 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

TRƯƠNG CÔNG ĐỨC
ĐẶNG QUANG KHÁI



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: TD5 - TTC2 - BK19	CREW: VTHẮNG - N.ANH - VŨ	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM25/4583	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	BUI ĐÌNH PHÚC	TD5	16-17	2	16			70	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỨC MINH	TD5	12	1	5			70	KHOAN	Vietnamese
3	PHẠM LÊ TUẤN LIÊM	TD5	08	1	10			64	KHOAN	Vietnamese
4	TU DƯƠNG DŨNG	TD5	04	1	3			70	KHOAN	Vietnamese
5	HOÀNG NGỌC DANH	TD5	06	1	4			69	KHOAN	Vietnamese
6	HỒ VĂN TIÊN	TD5	05	1	4			67	KHOAN	Vietnamese
7	HỒ NGỌC LIÊM	TD5	07	1	5			65	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM XUÂN THUY	TD5	03	1	6			70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN TRUNG THAI	TD5	02	1	5			80	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG MINH SƠN	TD5	01	1	12			72	ANTOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN HỮU HOÀN	TD5	20	1	6			82	KHOAN	Vietnamese
12	LUU VĂN PHONG	TD5						71	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	TD5	09	1	5			80	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN VĂN GIANG	TD5	18-19	2	13			72	DVL	Vietnamese
15	LÊ THANH TŨ	TD5	14	1	7			81	DVL	Vietnamese
16	ĐỖ XUÂN CHI	TD5	15	1	10			70	PSV	Vietnamese
17	LƯƠNG ANH HAI	TD5	10	1	4			57	PSV	Vietnamese
18	TÔ HOÀNG ANH	TD5	13	1	4			47	PSV	Vietnamese
19	HỒ VĂN ANH	TD5	11	1	12			75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD5	19	1.332	20	131	0	0	17	2	CHUYEN 02 PAX TU TD5 SANG TTC2
2	TTC2	0	0	0	0	2	40	1		
3	BK19	0	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		19	1.332	20	131	2	40	20		
WEIGHT KG			1.332		131		40			

GRAND TOAL: 1.503 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

NGÔ VĂN THẮNG
NGHIÊM VIỆT ANH





FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: HONG - 2	TO:MRM - P3	CREW: NAM - DUONG - TÚ	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM25/4581	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN CAO TRI	MRM	71-72	2	10			85	VU GIA	Vietnamese
2	PHAN THANH SON	MRM	70	1	13			79	TTCNTT&L	Vietnamese
3	NGUYEN MANH HOAN	MRM	68	1	6			60	KHOAN	Vietnamese
4	TRAN VAN BINH	MRM	84	1	8			62	VTB	Vietnamese
5	NGUYEN DINH HAI	MRM	83	1	9			70	VTB	Vietnamese
6	NGUYEN DINH QUOC	MRM	82	1	9			67	VTB	Vietnamese
7	KOROTKOV VICTOR	MRM	66	1	12			125	AMHTP	Russian
8	CHU DINH THANH	MRM	76	1	7	2	80	54	DVL	Vietnamese
9	LA QUY DANH	MRM	75	1	15			59	DVL	Vietnamese
10	NGUYEN HOANG SON	MRM	69	1	16			71	DVL	Vietnamese
11	EREMEEV EVGENII	MRM	73-74	2	20			99	KHOAN	Russian
12	STARUNOV DENIS	MRM	78-80	3	20			101	AMHTP	Russian
13	TSVETKOV OLEG	MRM	67	1	12			114	AMHTP	Russian
14	RULEV SEMEN	MRM	81	1	17			113	AMHTP	Russian
15	BARILENKO ALEKSANDR	MRM	77	1	11			125	AMHTP	Russian
16	DO VAN THANH	P3	13	1	10	5	62	86	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYEN MINH TIEN	P3	14-16	3	10	3	50	66	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	MRM	15	1.284	19	185	2	80	6		
2	P3	2	152	4	20	8	112	16		
TOTAL		17	1.436	23	205	10	192	22		
WEIGHT KG			1.436		205		192			

GRAND TOAL: 1.833 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN THI KIEU THU

CREW

TRẦN HỒNG NAM

BÙI HOÀNG DƯƠNG





FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
B.CARD: TRANG-2	TO: P2 - RC4 - RC5	CREW: VTHẮNG - N.ANH - VŨ	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 07		VNHS FLIGHT: TM25/4584	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	HỒ CÔNG ANH*	P2	80-81	2	7			66	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ QUÝ TOÀN	P2	85	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐƯƠNG VĂN THUAN	P2	92	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM THÈ DUYỆT	P2	74-75	2	11	4	60	88	KH-THAC	Vietnamese
5	PHUNG ANH TUẤN*	P2	76	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN ĐỘ	P2						66	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ ANH NGỌC	P2	78-79	2	16			72	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ NGỌC LƯƠNG	P2	84	1	3			73	KH-THAC	Vietnamese
9	HA VAN TRUNG	P2	90	1	11			69	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG VAN SON	P2	99	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM ANH ĐỨC	P2	91	1	6			61	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG TRỌNG THAO	P2	93	1	9			70	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG VAN SUU	P2	73	1	5			79	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN HỮU BẢO	P2	600	1	8			95	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN ĐẠI NGHĨA	P2	82	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
16	LÝ TẤT ĐẠT	P2	77	1	5			80	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN VĂN MẠNH	P2	95-96	2	12			50	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TRỌNG HOÀNG	P2	94	1	10			74	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN MẬU SƠN	P2	83	1	4			76	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH BÌNH	P2	88-89	2	19			69	PVGAS	Vietnamese
21	HAMSIR BIN ASHARI*	P2	86-87	2	15			58	PVGAS	Malaysian
22	NGUYỄN HỒNG QUANG	P2	97-98	2	16			68	PVGAS	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P2	22	1.543	28	182	4	60	21		
2	RC4	0	0	0	0	0	0	0	CHUYEN 1 PAX RC4-RC5	
3	RC5	0	0	0	0	2	40	0		
TOTAL		22	1.543	28	182	6	100	21		
WEIGHT KG			1.543		182		100			

GRAND TOAL: 1.825 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

NGÔ VĂN THẮNG
NGHIÊM VIỆT ANH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 10:00
B.CARD: CAM-2	TO: BK3 - TD2	CREW: KHOAN - M.ĐỨC - QTRƯỜNG	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 8		VNHS FLIGHT: TM25/4587	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	HOANG VAN THAI	BK3	07	1	3	3	60	63	KH-THAC	Vietnamese
2	VU XUAN THUY	BK3	64	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
3	LE TAN	BK3	65	1	13			77	KH-THAC	Vietnamese
4	DUONG NGOC PHUONG	BK3	57	1	11			57	NAM TIEN	Vietnamese
5	NGO THANH CUA	BK3	02	1	13			65	NAM TIEN	Vietnamese
6	NGUYEN HUY DUONG	BK3	1000	1	9			81	NAM TIEN	Vietnamese
7	NGUYEN ĐỨC HAO	BK3	01	1	15			82	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN VAN LINH	BK3	66	1	5			70	PSV	Vietnamese
9	TU DUONG HUNG	BK3	67	1	6			65	PSV	Vietnamese
10	LUONG MANH HUONG	BK3	29	1	4			64	PSV	Vietnamese
11	TRAN HOANG NAM	BK3	04-05	2	9	1	25	76	PVGAS	Vietnamese
12	NOROV DENIS	TD2	76	1	15			84	KHOAN	Russian
13	TRUONG CONG THIN	TD2	77	1	8			72	QUYET THA	Vietnamese
14	NGUYEN ĐỨC THUAN	TD2	78	1	7			53	QUYET THA	Vietnamese
15	TRAN ĐAI HUNG	TD2	45	1	6			73	DVL	Vietnamese
16	DUONG MINH VIET	TD2	79	1	7			64	DVL	Vietnamese
17	MAI HUY TU	TD2	44	1	12			59	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK3	11	769	12	94	4	85	11		
2	TD2	6	405	6	55	0	0	11		
TOTAL		17	1.174	18	149	4	85	22		
WEIGHT KG			1.174		149		85			

GRAND TOAL: 1.408 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
NGUYỄN MINH ĐỨC



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 10:10
B.CARD: NAU-2	TO: P10	CREW: ĐỨC - KHẢI - TDUNG	ETA: 12:00
VSP FLIGHT: 9		VNHS FLIGHT: TM25/4590	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN ĐÌNH HAI	P10	27	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ HỮU NAM	P10	40	1	23			68	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN CÔNG THANH	P10	47	1	7			82	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN ĐỨC BA	P10	23	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ BẢO TRUNG	P10	48	1	5			87	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN KHUÊ	P10	31	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM NGỌC THANH	P10	24	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN GIÁP	P10	36-37	2	22			74	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ ĐÌNH CƯỜNG	P10	29	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	P10	32-33	2	7			69	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VIỆT ANH	P10	25	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ CHI HIỆU	P10	26	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM VĂN THUYẾT	P10	28	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM QUỐC CƯỜNG	P10	41	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ ANH DŨNG	P10	45-46	2	21			68	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN TOÀN	P10	34-35	2	19			61	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VIỆT TIỀN	P10	42-44	3	15			67	KH-THAC	Vietnamese
18	DŨ TRẦN HUNG	P10	38-39	2	9			79	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐĂNG NGỌC	P10	30	1	5			76	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P10	19	1.338	26	173	0	0	22		
TOTAL		19	1.338	26	173	0	0	22		
WEIGHT KG			1.338		173		0			

GRAND TOAL: 1.511 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

TRƯƠNG CÔNG ĐỨC
ĐẶNG QUANG KHẢI





FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 10:15
B.CARD: VANG-2	TO: P9 - BK3	CREW: VIỆT - TTRUNG - DTÙNG	ETA: 12:05
VSP FLIGHT: 10		VNHS FLIGHT: TM25/4593	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN ĐÌNH NGỌC	P9	87-88	2	13			70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN MẠNH HÙNG	P9	09	1	9	1	23	82	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN THANH HAI	P9	04-05	2	11			82	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐOÀN QUỐC VIỆT	P9	07-08	2	10			94	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN VĂN HAI	P9	14	1	6			74	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TIẾN TÙNG	P9	01	1	4			82	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN XUÂN DUY	P9	94-95	2	9			73	KH-THAC	Vietnamese
8	TẠ TIẾN MẠNH	P9	02-03	2	12			66	KH-THAC	Vietnamese
9	NGÔ AN CHUNG	P9	13	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ MINH THUY	P9						75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VIỆT CƯỜNG	P9	93	1	8			75	KH-THAC	Vietnamese
12	HỒ SĨ BÌNH	P9	92	1	4			76	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN VĂN BĂNG	P9	06	1	6			60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN SƠN	P9	89	1	8			56	KH-THAC	Vietnamese
15	HỒ NAM TRUNG	P9	97-98	2	10			90	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN CAO CHI	P9	96	1	10			54	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC CHÂN	P9	99,700	2	9			77	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN ĐƯƠNG	P9	90-91	2	15			70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN HIẾU	P9	10-12	3	16			69	YTE	Vietnamese
20	SADOVNICHENKO DMITRII	P9	86	1	14			108	KHOAN	Russian
21	BUI VAN TUAN	P9	95	1	7			65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P9	21	1.561	30	186	1	23	17		
2	BK3	0	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		21	1.561	30	186	1	23	22		
WEIGHT KG			1.561		186		23			

GRAND TOAL: 1.770 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT
NGUYỄN THÀNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO:MRM - P2 - BK5	CREW: DƯƠNG - SƠN - TÚ	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 11		VNHS FLIGHT: TM25/4582	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	KARNIUKHIN VITALII	MRM	93	1	15	1	42	68	AMHTP	Russian
2	BULGANIN DANIL	MRM	98	1	7			98	AMHTP	Russian
3	BREZHNEV ARTEM	MRM	95	1	12			77	AMHTP	Russian
4	MIKHALEV ALEKSANDR	MRM	94	1	14			95	AMHTP	Russian
5	SEMENOV VASILII	MRM	90-91	2	12			82	AMHTP	Russian
6	VANEEV ALEKSANDR	MRM	92	1	12			89	AMHTP	Russian
7	ZAKHARENKO VLADIMIR	MRM	89	1	15			88	AMHTP	Russian
8	STEPANOV OLEG	MRM	87	1	4			103	AMHTP	Russian
9	MANAKOV DENIS	MRM	99-100	2	16			88	AMHTP	Russian
10	BEKESHEV TROLBEK	MRM	11-12	2	13			73	AMHTP	Russian
11	KOVALENKO ARTUR	MRM	88	1	17			82	AMHTP	Russian
12	TYSYACHNIK ALEXANDR	MRM	96-97	2	14			87	AMHTP	Russian
13	BAROV VALERII	MRM	13-14	2	10			75	AMHTP	Russian
14	NGUYỄN ĐÌNH HÙNG	MRM	15	1	13	2	17	64	AMHTP	Vietnamese
15	PHẠM THANH NAM	P2	68	1	9			57	PVGAS	Vietnamese
16	ĐẶNG TRỌNG ĐÔNG	P2	67	1	14			73	DUY LINH	Vietnamese
17	NGUYỄN ANH THẮNG	P2	65-66	2	20			57	DUY LINH	Vietnamese
18	SANG TRAN LONG	P2	63	1	8			59	DUY LINH	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH DANH	P2	64	1	6			61	DUY LINH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	MRM	14	1.169	19	174	3	59	10		
2	P2	5	307	6	57	0	0	1		
3	BK5	0	0	0	0	0	0	9		
TOTAL		19	1.476	25	231	3	59	20		
WEIGHT KG			1.476		231		59			

GRAND TOAL: 1.766 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

PHẠM THÁI SƠN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:15
B.CARD: CAM-3	TO: PVD8 - KTRN	CREW: VTHẮNG - N.ANH - THÀNH	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 12		VNHS FLIGHT: TM25/4585	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ĐÀO QUANG THIẾT	PVD8	29	1	10			68	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM HUYNH VŨ	PVD8	46	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ THANH LAM	PVD8	45	1	10			63	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	PVD8	30	1	3			77	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN QUANG THỰC	PVD8	41	1	6			74	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ VĂN TÙNG	PVD8	35	1	5			58	PSV	Vietnamese
7	TRẦN TRỌNG DŨNG	PVD8	27	1	7			85	PSV	Vietnamese
8	BUI HAI THANH	PVD8	33-34	2	11			68	PSV	Vietnamese
9	LÊ HỒNG VƯƠNG	PVD8	98	1	5			70	PVDO	Vietnamese
10	QUÁCH VĂN THẮNG	PVD8	28	1	6			70	PVDO	Vietnamese
11	PHẠM VĂN KHAI	PVD8	36	1	5			89	PVDO	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN AN	PVD8	47	1	10			74	PVDO	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH TŨ	PVD8	37-38	2	19			67	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN HOANG MINH HIẾU	PVD8	43-44	2	16			56	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN ĐẠI THẮNG	PVD8	42,97	2	16			65	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN MẠNH	PVD8	39-40	2	19			60	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐINH VĂN MƯỜI	PVD8	99	1	5			67	GETRACO	Vietnamese
18	LÊ NGỌC ANH	PVD8	31	1	4			78	GETRACO	Vietnamese
19	HOANG QUỐC BAO	PVD8	32	1	9			57	GETRACO	Vietnamese
20	NGUYỄN TRẦN ĐỨC KHÁNH	PVD8	500	1	4			67	GETRACO	Vietnamese
21	TRẦN VĂN SƠN	KTRN	61	1	11			63	XAYLAP	Vietnamese
22	TRẦN VĂN HÈ	KTRN	62-63	2	18	1	18	64	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	20	1.378	25	176	0	0	15		
2	KTRN	2	127	3	29	1	18	7		
TOTAL		22	1.505	28	205	1	18	22		
WEIGHT KG			1.505		205		18			

GRAND TOAL: 1.728 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

NGÔ VĂN THẮNG
NGHIÊM VIỆT ANH





FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:20
B.CARD: NAU - 3	TO: BK4 - BK10	CREW: XHOÀN - HTRUNG - QTRƯỜNG	ETA: 14:10
VSP FLIGHT: 13		VNHS FLIGHT: TM25/4588	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN VĂN ĐĂNG	BK4	47-48	2	12			84	KH-THAC	Vietnamese
2	NGÔ ĐĂNG ĐỨC	BK4				4	66	68	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI QUANG DUY	BK4	40	1	10			76	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ NGỌC TAM	BK4	38	1	14			89	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TUẤN	BK4	36-37	2	12			66	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN QUANG HUY	BK4	43-44	2	20			58	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN NGỌC ĐĂNG	BK4	56-57	2	20			74	XAYLAP	Vietnamese
8	PHƯƠNG THÈ TRUNG	BK4	53	1	20			75	XAYLAP	Vietnamese
9	PHẠM PHƯƠNG DUNG	BK4	54-55	2	18			71	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ THÈ GIÁP	BK4	58	1	18			68	XAYLAP	Vietnamese
11	NGÔ VĂN MẠNH	BK4	51-52	2	19			62	XAYLAP	Vietnamese
12	VÕ VĂN LINH	BK4	49-50	2	17			59	XAYLAP	Vietnamese
13	PHẠM NGỌC ĐIỀU	BK4	45-46	2	20			77	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN VĂN TOÀN	BK4	41-42	2	17			69	XAYLAP	Vietnamese
15	PHẠM XUÂN MẠNH	BK4	39	1	4			63	PSV	Vietnamese
16	TRẦN MINH TRÍ (2003)	BK10	25	1	7	1	10	77	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK4	15	1.059	23	221	4	66	14		
2	BK10	1	77	1	7	1	10	8		
TOTAL		16	1.136	24	228	5	76	22		
WEIGHT KG			1.136		228		76			

GRAND TOAL: 1.440 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ KIỀU THU

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN

NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 12:30
B.CARD: TRANG-3	TO: P11 - P9	CREW: ĐỨC - KHẢI - TDUNG	ETA: 14:20
VSP FLIGHT: 14		VNHS FLIGHT: TM25/4591	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN VĂN NHÂN	P11						65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN HỮU NGŨ	P11	38	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM TRẦN HỮU PHÚC	P11	55-56	2	15			105	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN VĂN HÙNG	P11	32	1	3			62	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ CÔNG NAM	P11	40	1	11			66	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN VĂN DŨNG	P11	33	1	15	1	17	54	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN DOÀN ĐỨC	P11	39	1	7			75	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN DUY LONG	P11	35	1	8	1	14	57	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN ĐỨC HÙNG *	P11	50	1	16			70	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐỖ MẠNH HÙNG	P11	51-52	2	15			58	XAYLAP	Vietnamese
11	NGÔ TRUNG KIẾN	P11	47	1	7	1	11	75	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN QUỐC HÙNG	P11	49	1	12	2	33	66	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ TU KHA	P11	43-44	2	17			88	XAYLAP	Vietnamese
14	NGÔ ĐÌNH NHẬT MINH	P11	45-46	2	16			84	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN KHÂN	P11	41-42	2	10			75	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN HAI TRUNG	P11	37	1	3			65	PSV	Vietnamese
17	SAMSONOV ALEKSEI	P11	30-31	2	17			75	KIM THIET	Russian
18	TRẦN HÙNG	P9	87-88	2	15			88	PVGAS	Vietnamese
19	AHNAD YUSUF BIN JAMALI	P9	91	1	6	1	16	78	PVGAS	Malaysian
20	NGUYỄN ANH TUẤN	P9	89-90	2	11			72	PVGAS	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐÌNH QUỐC NHẬT	P9	93	1	7			72	PVGAS	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P11	17	1.208	22	179	5	75	16	11	CHUYEN 1 PAX P11-P9,
2	P9	4	310	6	39	1	16	6		
TOTAL		21	1.518	28	218	6	91	22		
WEIGHT KG			1.518		218		91			

GRAND TOAL: 1.827 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

TRƯƠNG CÔNG ĐỨC
ĐẶNG QUANG KHẢI